

Số: 78/2021/QĐST-HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 07 tháng 12 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2021/TLST- HNGĐ ngày 08/11/2021 giữa;

Nguyên đơn: Anh Trần Hữu T, sinh năm 1982.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1987.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 09/12/2012.

Cháu Trần Thị Thủy T1, sinh ngày 12/3/2015.

Cùng địa chỉ: Đội 6, thôn Đ, xã T2, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Lan A và T1 là anh Trần Hữu T và chị Nguyễn Thị X - Là bố mẹ đẻ.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/11/2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/11/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hữu T và chị Nguyễn Thị X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hữu T và chị Nguyễn Thị X thuận

tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự thỏa thuận chị X trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con Trần Thị Lan A, sinh ngày 09/12/2012 và Trần Thị Thủy T1, sinh ngày 12/03/2015, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Lan A là 2.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 01/2022. Cháu T1 chị X tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị X và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày chị X có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu anh T không chịu thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Trần Hữu T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001054 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố;
- Chi cục Thi hành án TP;
- Các đương sự;
- UBND xã T2
- (ĐKKH số 77, quyển số 01 ngày 28/12/2011);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh

